TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 474/2026/DS – PT
Ngày: 01 – 7 - 2026
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi
Bà Phạm Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đăng Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 06 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; "có mặt"

Trú tại: Ấp Bùi Chu, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1961; "có mặt"

Trú tại: Ấp Bùi Chu, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai.

+ Ông Nguyễn Đức M; SN 1995; "có mặt"

Trú: Số 109, đường Nguyễn Trung Trực, KP. Vĩnh An 5, F. Trị An, thành phố Đồng Nai.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966; "xin xét xử vắng mặt".

Trú tại: Ấp Bùi Chu, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1/ Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1960; "vắng mặt"

2/ Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1989; "vắng mặt"

3/ Bà Nguyễn Thị Thu Á, sinh năm 1986; "vắng mặt"

4/ Ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1997; "vắng mặt"

Cùng trú tại: Ấp Bùi Chu, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày***:

Năm 2006, bà được bố mẹ tách thửa cho 01 lô đất thổ cư, diện tích là 180 m^2. Lô đất được mang tên ông Nguyễn Văn H, tách từ thửa 348, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp Bùi Chu, xã Bắc sơn, huyện Trảng bom, tỉnh Đồng Nai. Ngoài cho bà thì bố mẹ bà còn tách cho ông Nguyễn văn Dũng diện tích 246 m^2 đất vào năm 2007 và cho tặng ông Nguyễn ngọc Doanh diện tích đất còn lại là 620 m^2.

Sau khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thực tế của nhà ông D là 270,84 m^2. Kết luận: ông D đã lấn nên diện tích tăng thêm: 24,84 m^2.

Ngày 02/12/2020, ông Nguyễn ngọc Doanh cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 219454, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 39, diện tích: 572 m^2. Tuy nhiên, diện tích thực tế của nhà ông D là 594,99m^2. Kết luận: ông D đã bị lấn và giảm đi: 25,901 m^2.

Diện tích thực tế của 03 nhà: Bà Tươi: 181,675 m^2, ông D là 270,840 m^2; ông D là 594,99 m^2, tổng cộng là 1.046.614 m^2. Tổng diện tích thực tế này tương ứng với 1.046 m^2 của bố mẹ bà khi chưa tách thửa. Chênh lệch diện tích trước năm 2019 và sau năm 2019 như sau: Nhà bà T diện tích tăng thêm 1,675 m^2, nhà ông D diện tích tăng thêm 24,840 m^2, nhà ông D diện tích bị giảm đi 25,901 m^2. Như vậy, so sánh diện tích lúc bố mẹ bà cho tặng với diện tích ngày hôm nay có thể kết luận rằng ông D là người lấn đất: lấn 24,840 m^2, ông D là người bị lấn đất 25,901 m^2, bà bị dịch chuyển vị trí tọa độ thửa đất nên trở thành người lấn đất. Đây là kiểu lấn đất theo hiệu ứng dây chuyền, khởi đầu là nhà ông D lấn nhà bà 24,84 m^2, rồi nhà bà lấn sang nhà ông D 25,901 m^2.

Năm 2019, ông D lấn đất, xây nhà và tường rào, rồi làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số: CS 829453, ngày cấp 31/7/2019, diện tích thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới làm lại là 270,840 m^2, diện tích bố mẹ bà cho khi tách thửa là 246 m^2. Như vậy, ông D đã lấn 24,840 m^2. Trên sơ đồ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như thực địa cho thấy ông D đã lấn chiều dài hết thửa đất là: 36,42 m, chiều rộng đã lấn là 0,68 m. Sau khi ông D lấn 24,840 m^2, lẽ ra đất của bà đã bị lấn phải giảm đi 24,84 m^2, nhưng lại không giảm, vì thửa đất số 554 bị dịch chuyển vị trí tọa độ cả thửa đất lấn sang thửa số 576 của nhà ông D.

Tại buổi hòa giải bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T phải trả lại nguyên trạng diện tích đất đã lấn chiếm là 26.9m^2 (giới hạn bởi các điểm 3, 4, 10, 11, 3) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số: 1996/2024 ngày 14/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Trảng Bom) thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 39, tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã Bình Minh, tỉnh

Đồng Nai) cho bà. Tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T phải trả lại nguyên trạng diện tích đất đã lấn chiếm là 24,84 m^2.

Về chi phí tố tụng và án phí: Yêu cầu bị đơn phải chịu các chi phí và án phí theo quy định.

* ***Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông D trình bày:***

Năm 2007, ông được bố mẹ tách thửa cho 01 lô đất, diện tích là 246.8 m^2, thuộc thửa số 364, tờ bản đồ số 42 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 722660, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp ngày 26/9/2007. Sau khi cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là 261.8 m^2, thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 425, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 829453, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/7/2019.

Việc nguyên đơn yêu cầu ông và bà T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là không có cơ sở vì mốc ranh đất đã có từ thời điểm bố mẹ cho từ năm 2006 đến nay. Năm 2019, vợ chồng ông làm thủ tục xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất có tăng lên là 15.8m^2 là do ông có lấp một phần mương nước, khi cấp đổi ông có kê khai bổ sung nên diện tích mới tăng lên nên bà T trình bày do vợ chồng ông lấn đất là không có cơ sở. Theo hiện trạng ông và gia đình đang sử dụng thì diện tích còn thấp hơn diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:*** Tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hiện trạng tôi đang sử dụng đúng với đất chúng tôi được cấp và mốc, ranh giữa hai gia đình đã có từ khi bố mẹ tặng cho, tách thửa cho đến nay.

**** Quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thu Á và ông Nguyễn Chí Đ trình bày:*** Hiện nay chúng tôi đang sinh sống cùng với bố mẹ (Ông Dũng, bà T) trên căn nhà tọa lạc tại thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 425, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 829453, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/7/2019. Nguồn gốc đất là của ông nội cho bố mẹ tôi, còn tiền bỏ ra xây nhà là của bố mẹ chúng tôi. Chúng tôi không có đóng góp gì đối với nhà, đất nêu trên. Chúng tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 29/08/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai; Tuyên xử:

- Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 91, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* đối với diện tích 24,84 m^2 theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số: 1996/2024 ngày 14/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi

nhánh Trảng Bom.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/09/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng ông D không chứng minh được diện tích đất của mình tăng là do đâu, trong khi đó diện tích ông D thiếu nên yêu cầu buộc ông D trả lại diện tích dư cho bà T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định.

* Về việc giải quyết vụ án: Nguồn gốc đất của bà T, ông D và ông D là do cha mẹ tặng cho. Bà Tươi thừa nhận đất bà không thiếu so với sổ nhưng do diện tích đất ông D dư nên đã lấn sang đất bà, từ đó bà đã lấn sang ông D là không có cơ sở vì phần đất ông D được cha mẹ tặng cho sau cùng, ông D thừa nhận không đo đạt thực tế khi nhận mà chỉ căn cứ vào sổ đất của cha, mẹ trừ diện tích đã cho ông D và bà T thì đất ông không đủ 620 m2 là không có căn cứ. Việc cấp GCNQSD cho các hộ được Văn phòng đăng ký đất đai xác định là thực hiện đúng quy định, diện tích ông D tăng khi đăng ký đổi sổ hồ sơ có chữ ký của bà T xác nhận. Xét tòa cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng pháp luật; bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T làm trong thời thời hạn và thực hiện đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, bị đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng không lý do và đã được triệu tập hợp lệ; căn cứ Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; xét thấy:

[2.1] Bà **Nguyễn Thị T** là người quản lý, sử dụng thửa đất số 554, tờ bản đồ số 39, tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai), diện tích ***180,6m^2***, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 522823

ngày 12/11/2015; Ông Dũng, bà T là người quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số thửa số 39, tờ bản đồ số 425, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 829453, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/7/2019, diện tích là ***261.8 m^2*** (cấp lần đầu là 246.8 m^2).

[2.2] Đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ số 39, tại xã Bắc Sơn: Tại đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 13/10/2015, nội dung xác nhận của UBND xã Bắc Sơn ngày 10/10/2015, thể hiện: "*biến động diện tích tăng 0.6m^2 là do đo đạc lại theo bản đồ địa chính, nhưng ranh giới thửa đất sử dụng theo hiện trạng từ thời điểm có giấy CN.QSDĐ đến nay không thay đổi, không lấn chiếm, không mua bán trao đổi, không tranh chấp*". Và ý kiến cơ quan đăng ký đất đai, thể hiện: "*Đủ điều kiện*" (BL 51) để cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 554, tờ bản đồ số 39 cho bà T là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 39, tại xã Bắc Sơn: Tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 18/7/2019, nội dung xác nhận của UBND xã Bắc Sơn ngày 18/7/2019, thể hiện: "*Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay: Không thay đổi, không lấn chiếm, không mua bán trao đổi, đất sử dụng ổn định không có tranh chấp với người sử dụng đất liền kề, diện tích tăng 15.8m^2 là do đo vẽ lại theo bản đồ địa chính mới*". Và ý kiến cơ quan đăng ký đất đai, thể hiện: "*Đủ điều kiện*" (BL 73) để cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 425 cho ông D, bà T là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Tại Văn bản số: 2364/VPĐK.TB-TTLT ngày 20/5/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Trảng Bom cung cấp thông tin: *"Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 42, xã Bắc Sơn (BĐĐC cũ) có diện tích 246m^2 (100m^2 đất ở nông thôn và 146m^2 đất trồng cây lâu năm) đã được UBND huyện Trảng Bom cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 722660 ngày 26/9/2007 đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T (cấp giấy theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997). Nay theo bản đồ địa chính xã Bắc Sơn đo vẽ năm 2013 thuộc thửa 425, tờ bản đồ số 39 có diện tích 261,8m^2 (100m^2 đất ở tại nông thôn và 164,8m^2 đất trồng cây lâu năm) đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai TUQ Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 829453 ngày 31/7/2019 đứng ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T. Diện tích tăng 15,8m^2 theo xác nhận của UBND xã Bắc Sơn tại Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyên sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/7/2019 là "Sự thay đổi đường ranh kể từ khi cấp giấy chứng nhận đến nay: Không thay đổi, không lần chiếm, không mua bán trao đổi, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề. Diện tích tăng 15,8m^2 do đo đạc vẽ lại bản đồ địa chính mới"*. Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 37 và Điều 76 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để cấp đổi giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T theo quy định.

[3] Tại đơn đề nghị cấp đổi lại GCNQSD đất (BL72,73) diện tích đất ông D có sự thay đổi (diện tích cũ là 246.8 m^2; xin cấp sổ lại diện tích là 261.8 m^2), tại Bản mô tả mốc giới có bà T cùng ký xác nhận; đồng thời theo sơ đồ bản vẽ thì phần diện tích tăng có vị trí giáp mương nước còn phần giáp ranh đất bà T không thay đổi.

[4] Xét thấy: nguồn gốc đất của bà T, ông D và ông D là do cha mẹ tặng cho, các đương sự được cấp Giấy CNQSDĐ và đang quản lý sử dụng; đối với bà T bà thừa nhận được tặng cho diện tích 180 m^2; diện tích được cấp Giấy CNQSD là 180,6 m^2. ông D được tặng cho diện tích là 246.8 m^2; cấp sổ lại lần 2 diện tích là 261.8 m^2 . Như vậy diện tích bà T và ông D đều tăng; bà T cho rằng ông D là người lấn đất: lấn 24,840 m^2, ông D là người bị lấn đất 25,901 m^2, bà bị dịch chuyển vị trí tọa độ thửa đất nên trở thành người lấn đất. Đây là kiểu lấn đất theo hiệu ứng dây chuyền, khởi đầu là nhà ông D lấn nhà bà 24,84 m^2, rồi nhà bà lấn sang nhà ông D 25,901 m^2 từ đó khởi kiện là không có cơ sở; do đó Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Tươi kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với ông D tòa cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án; đồng thời ông D cũng không có yêu cầu gì, do đó nếu ông D cho rằng quyền lợi bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện để được giải quyết theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 29/08/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai.

Áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* đối với diện tích 24,84 m^2 theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số: 1996/2024 ngày 14/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Trảng Bom.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008005 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai) và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0001330, ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Nay là thành phố Đồng Nai).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đồng Nai;
- THADS TP. Đồng Nai;
- TAND KV3 - Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 3 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV3- Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.